

TỪ LÁY

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Nắm được cấu tạo của hai loại từ láy : từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận.
- Hiểu được cơ chế tạo nghĩa của từ láy tiếng Việt.
- Biết vận dụng những hiểu biết về cấu tạo và cơ chế tạo nghĩa của từ láy để sử dụng tốt từ láy.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Ở lớp 6, HS đã biết khái niệm từ láy. Đó là những từ phức có sự hoà phối âm thanh. Đây là một cách hiểu về từ láy trong Việt ngữ học. Giáo sư Hoàng Tuệ đại biểu cho quan điểm này. Theo ông : "Nên hiểu rằng "láy", đó là phương thức

cấu tạo những từ mà trong đó có sự tương quan âm – nghĩa nhất định. Tương quan ấy có tính chất tự nhiên, trực tiếp trong trường hợp những từ tiếng vang, kiểu *gâu gâu, cu cu, ...* Nhưng tương quan ấy tinh tế hơn nhiều, được cách điệu hoá trong những từ như *lác đác, băng khuâng, long lanh, ...* Sự cách điệu hoá ấy chính là sự biểu trưng hoá ngữ âm... Cho nên, láy là một sự hoà phối ngữ âm có giá trị biểu trưng hoá." (Hoàng Tuệ, *Về những từ gọi là "từ láy" trong tiếng Việt*, Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 3, 1978). Nhưng cũng có người theo quan niệm khác, hẹp hơn. Theo giáo sư Đỗ Hữu Châu thì từ láy phải có hai đặc tính sau đây :

- a) Phải có một hình vị gốc có nghĩa.
- b) Có sự hoà phối âm thanh.

(Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt*, Sđd.)

Căn cứ vào hai tiêu chí trên đây, các tác giả theo quan niệm này cho rằng những từ như *ba ba, cào cào, thương lương, đu đủ, thần lẩn, chôm chôm, chuồn chuồn, bướm bướm, ...* đều không phải là từ láy. Tuy nhiên, những từ như *hồn hào, lảm cẩm, đủng đỉnh, ngậm ngùi, hí hửng, róc rách, xôn xao, táo tác, ...* vẫn được cho là từ láy vì họ cho rằng các từ láy này vẫn có hình vị cơ sở (có nghĩa) nhưng hiện nay đã mất nghĩa và hi vọng rằng sự nghiên cứu từ vựng lịch sử sẽ có thể giúp chúng ta khôi phục lại các hình vị cơ sở đó.

Đứng trước tình hình chưa có sự nhất trí giữa các nhà khoa học, giải pháp của SGK Ngữ văn là một mặt thừa nhận một quan niệm rộng về từ láy như đã được trình bày trong định nghĩa về từ láy ở SGK *Ngữ văn 6* bao gồm từ láy có tiếng gốc có nghĩa và cả từ láy không có tiếng gốc có nghĩa ; đồng thời ở lớp 7, khi trình bày về nghĩa của từ láy có chú trọng nhiều hơn đến lớp từ láy có tiếng gốc có nghĩa. Sở dĩ như vậy là vì lớp từ láy này chiếm số lượng khá lớn, tiêu biểu cho đặc sắc từ láy tiếng Việt. Hơn nữa, việc coi trọng lớp từ này còn xuất phát từ mục đích thực hành : Tính phong phú đa dạng về nghĩa của nó đòi hỏi người sử dụng cần phải nắm vững.

2. Từ láy chia làm hai loại : từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận, như đã được trình bày trong SGK. Ở từ láy toàn bộ, các tiếng hoàn toàn giống nhau về âm thanh. Ở từ láy bộ phận, giữa các tiếng có sự giống nhau về phụ âm đầu hoặc vần. Ở đây có thể có HS thắc mắc : Trong các từ như *thăm thăm, bản bật, đo đở, đềm đẹp, ...* các tiếng không hoàn toàn giống nhau, tại sao các từ này lại gọi là từ láy toàn bộ ?

Giải đáp cặn kẽ thắc mắc này cho HS lớp 7 không phải là chuyện dễ. Có thể bước đầu giải thích cho HS biết, các từ nêu trên thực chất là những từ láy toàn bộ nhưng để cho dễ nói, xuôi tai nên có sự biến đổi về âm cuối và thanh điệu. Để HS cảm nhận được điều này, GV có thể cho HS đọc và nghe các cặp từ tương ứng như : *thắm thắm – thắm thắm, bật bật – bản bật, đỏ đỏ – đo đỏ, đẹp đẹp – đem đẹp* để HS tự rút ra kết luận. Nếu GV cho HS đọc và nghe các từ này trong cả câu thì cảm giác này càng rõ rệt.

Nếu có điều kiện, đối với HS khá, giỏi, GV có thể giải thích thêm về quy luật biến đổi phụ âm cuối và thanh điệu của loại từ láy này. Những điều này không được trình bày trong SGK, GV có thể tìm đọc trong các sách tham khảo.

3. Khi giảng dạy bài này, GV cần lưu ý HS không nên lẫn lộn từ láy với các từ ghép đẳng lập có các tiếng giống nhau về phụ âm đầu hoặc phần vần, như : *máu mủ, râu ria, tươi tốt, dẻo dai, tươi cười, đông đủ, quanh quẩn, nảy nở, ...*

Cũng cần phải lưu ý HS phân biệt từ láy với loại từ ghép đẳng lập có các tiếng giống nhau về phụ âm đầu hoặc phần vần, trong đó có một tiếng đã mờ nghĩa. Nghĩa của các yếu tố này được phát hiện dựa vào tài liệu tiếng địa phương hoặc các tài liệu ngôn ngữ cổ, như : *rú* trong *rừng rú*, *nê* trong *no nê*, *chiền* trong *chùa chiền*. Tuy vậy, không phải mọi yếu tố thuộc loại này đều đã được xác định ý nghĩa. Và trong tình trạng như vậy, người bản ngữ cảm nhận những từ đó là từ láy thì cũng không phải là sai.

4. Đối với mỗi loại từ láy, ngoài việc tìm hiểu cấu tạo, còn phải tìm hiểu ý nghĩa của nó. Nhưng nghĩa của từ láy là một phạm vi rất rộng, rất phong phú. Với một tiết học cho HS lớp 7, GV không thể trình bày cặn kẽ, tường tận về vấn đề này được mà chỉ giảng cho HS một số điều cơ bản về cơ chế tạo nghĩa của từ láy mà thôi.

Về cơ chế tạo nghĩa của từ láy, cần chú ý những điểm sau đây :

a) Có những từ láy tạo nghĩa dựa vào sự mô phỏng âm thanh, như *ha há, oa oa, tích tắc, gâu gâu, ...*

b) Có những từ láy tạo nghĩa dựa vào đặc tính âm thanh của vần. Chẳng hạn, nhóm từ láy *lí nhí, li ti, ti hí, ...* tạo nghĩa dựa vào khuôn vần có nguyên âm *i* là nguyên âm có độ mở nhỏ nhất, âm lượng nhỏ nhất, biểu thị tính chất nhỏ bé, nhỏ

nhẹ về âm thanh, hình dáng. Trái lại, *ha há, ra rá, sa sá, lã chã, ...* lại tạo nghĩa dựa vào khuôn vẫn có nguyên âm *a* là nguyên âm có độ mở to nhất, âm lượng lớn nhất, biểu thị tính chất to lớn, mạnh mẽ của âm thanh, hoạt động.

c) Trường hợp từ láy có tiếng gốc thì từ láy tạo nghĩa bằng cách vừa dựa vào nghĩa của tiếng gốc vừa dựa vào sự hoà phối âm thanh giữa các tiếng tạo nên nó.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Ôn lại định nghĩa về từ láy đã học ở lớp 6. GV nêu khái quát nội dung của bài học mới : Cấu tạo và ý nghĩa của các loại từ láy.

Hoạt động 2. Tìm hiểu về cấu tạo của các loại từ láy.

Trước hết, GV cho HS nhận xét về đặc điểm âm thanh của các từ láy *đăm đăm, máu máu, liêu liêu*. Sau đó gợi dẫn HS phân các từ láy trên thành hai loại : từ láy toàn bộ và từ láy bộ phận. Điều này không khó vì HS đã được học ở bậc Tiểu học. Câu hỏi 3 cốt để gợi dẫn HS thấy được thực chất đây là những từ láy toàn bộ nhưng có sự biến đổi thanh điệu và phụ âm cuối là do sự hoà phối âm thanh. Cho HS tìm thêm một số từ láy thuộc hiện tượng này, như : *đỏ – đo đỏ, xốp – xôm xốp, ...*

Từ những quan sát cụ thể trên, GV tổng kết hoặc cho HS tổng kết lại về cấu tạo của các loại từ láy như đã nêu ở phần Ghi nhớ.

Hoạt động 3. Tìm hiểu về nghĩa của từ láy.

GV cho HS trả lời các câu hỏi về nghĩa của từ láy.

Câu hỏi 1 cốt gợi ý cho HS thấy được nghĩa của các từ láy này được tạo thành do sự mô phỏng âm thanh. Câu hỏi 2.a gợi ý về mối tương quan giữa khuôn vần *i* với nghĩa của từ láy. Câu hỏi 2.b phức tạp hơn. Trước hết, GV cho HS giải thích nghĩa của các từ *nhấp nhô, phập phồng, bập bênh*, sau đó gợi ý HS nhận xét về đặc điểm cấu tạo của các từ này. Đây là nhóm từ láy bộ phận có tiếng gốc đứng sau, tiếng đứng trước lặp lại phụ âm đầu của tiếng gốc và mang vần *âp* theo công thức "*x + âp xy*" (*x* : phụ âm đầu, *âp* : phần vần, *y* : phần vần). So sánh nghĩa của từ láy với nghĩa của tiếng gốc, HS sẽ thấy được nghĩa của các từ láy thuộc nhóm này có điểm chung là biểu thị một trạng thái vận động : khi nhô lên, khi hạ xuống, khi phồng khi xẹp, khi nổi khi chìm, ...

Câu hỏi 3 gợi dẫn HS tìm hiểu sắc thái nghĩa giảm nhẹ, sắc thái biểu cảm của từ láy.

So với *mềm* thì *mềm mại* mang sắc thái biểu cảm rất rõ :

- *bàn tay mềm mại* (mềm và gợi cảm giác dễ chịu khi sờ đến).
- *nét chữ mềm mại* (có dáng, nét lượn cong tự nhiên, trông đẹp mắt).
- *giọng nói dịu dàng, mềm mại* (có âm điệu uyển chuyển, nhẹ nhàng, dễ nghe).

Từ những nhận xét trên, GV cho HS rút ra những kết luận về nghĩa của từ láy như đã nêu ở phần Ghi nhớ.

Hoạt động 4. GV tổng kết toàn bài, nhắc lại những kết luận cơ bản về hai loại từ láy tiếng Việt.

Hoạt động 5. Hướng dẫn HS làm bài tập (trang 43, SGK). Tùy thời gian còn lại, GV cho HS làm các bài tập 1, 2, 3 ở lớp, các bài tập 4, 5, 6 làm ở nhà.

IV – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Các bài tập 1, 2, 3 không khó, vừa sức HS.

Bài tập 4. Luyện cho HS sử dụng các từ láy có chung tiếng gốc nhưng có nghĩa khác nhau tế nhị.

Bài tập 5. Các từ được nêu ra đều là từ ghép.

Bài tập 6.* Hướng dẫn HS tìm hiểu nghĩa của các tiếng *chiên, nề, rớt, hành* và từ đó suy ra cấu tạo của các từ đã cho.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, Sđd.
2. Hoàng Tuệ, *Về những từ gọi là "từ láy" trong tiếng Việt*, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 3, 1978.
3. Hoàng Văn Hành (Chủ biên), *Từ điển từ láy tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998.
4. Hà Quang Năng, *Dạy và học từ láy ở trường phổ thông*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003.